



HAL
open science

Khảo cứu dân tộc học để thúc đẩy "phát triển từ cơ sở" ở miền núi phía Bắc Việt Nam: Những thách thức, vị thế và giới hạn của "nhân học gắn kết"

Emmanuel Pannier, Christian Culas

► To cite this version:

Emmanuel Pannier, Christian Culas. Khảo cứu dân tộc học để thúc đẩy "phát triển từ cơ sở" ở miền núi phía Bắc Việt Nam: Những thách thức, vị thế và giới hạn của "nhân học gắn kết". Vietnam Journal of anthropology , 2022, 1, pp.17-33. hal-03990388

HAL Id: hal-03990388

<https://hal.science/hal-03990388>

Submitted on 18 Apr 2023

HAL is a multi-disciplinary open access archive for the deposit and dissemination of scientific research documents, whether they are published or not. The documents may come from teaching and research institutions in France or abroad, or from public or private research centers.

L'archive ouverte pluridisciplinaire **HAL**, est destinée au dépôt et à la diffusion de documents scientifiques de niveau recherche, publiés ou non, émanant des établissements d'enseignement et de recherche français ou étrangers, des laboratoires publics ou privés.

KHẢO CỨU DÂN TỘC HỌC ĐỂ THỨC ĐẨY “PHÁT TRIỂN TỪ CƠ SỞ” Ở MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM: NHỮNG THÁCH THỨC, VỊ THẾ VÀ GIỚI HẠN CỦA “NHÂN HỌC GẮN KẾT”

Emmanuel Pannier

Viện nghiên cứu Phát triển Quốc gia Pháp (IRD)

Christian Culas

Trung tâm nghiên cứu Khoa học Quốc gia Pháp (CNRS)

Email: emmanuel.pannier@ird.fr

Tóm tắt: Bài viết miêu tả và thảo luận những trải nghiệm của một nhóm nghiên cứu khi huy động các kỹ năng nghiên cứu nhân học nhằm thúc đẩy "phát triển từ cơ sở" tại một bản người Tày ở miền núi phía Bắc Việt Nam. Nhóm nghiên cứu đã xây dựng một dự án nghiên cứu ứng dụng để kiểm nghiệm và chứng minh quan điểm: "Để đảm bảo các dự án phát triển phù hợp với thực tế địa phương, cần phải thực hiện nghiên cứu dân tộc học trước khi thiết kế bất kỳ hành động phát triển nào". Bài viết đã giới thiệu và tranh biện những luận điểm khác nhau trong suốt quá trình dự án, từ vị thế nhà nghiên cứu khoa học đến trung gian văn hóa, nhà tư vấn và người thực hiện hoạt động phát triển. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một tinh thần "nhân học gắn kết" trong nghiên cứu nhằm thúc đẩy sự tham gia toàn diện và hiệu quả của cộng đồng địa phương trong quá trình phát triển.

Từ khóa: Dân tộc học/Nhân học, Phát triển từ cơ sở, dân tộc Tày, miền núi phía Bắc.

Abstract: This paper describes and discusses the experience of a group of researchers conducting when mobilised anthropological research skills to foster “development from below” in a Tay village in Vietnam’s Northern Upland. The research team developed an applied research project to test and prove the viewpoint: “To ensure development projects’ compatibility with local realities, ethnographic research must be carried out before the design of any development activities”. The article introduces and debates different points of view during the project, from the positions of scientists to cultural intermediaries, consultants and developers. On that basis, the article proposes a spirit of “involved anthropology” in research to foster local communities’ comprehensive and effective participation in the development process.

Keywords: Ethnology/Anthropology, Development from below, Tay ethnicity, Northern Upland.

Ngày nhận bài: 25/12/2021; ngày gửi phản biện: 2/1/2022; ngày duyệt đăng: 5/2/2022

Đặt vấn đề

Sau nhiều thập kỷ thế giới ghi nhận những thất bại lặp lại liên tục của các sáng kiến phát triển mang tính ngoại sinh và được áp đặt từ trên xuống (top-down), quan điểm phát triển từ dưới lên (bottom-up) ngày nay đã được ủng hộ rộng rãi (World Bank, 1996; Keare, 2001). Kể từ những năm 2000, các khái niệm "tham gia", "dựa vào cộng đồng" (community-based) hay "bao trùm" đã được sử dụng rộng rãi, gắn liền với thuật ngữ phát triển. Việc sử dụng những khái niệm này ban đầu có thể vì mục đích nhận được các nguồn tài trợ, song cũng phản ánh thực tiễn vô cùng đa dạng và đôi khi chúng là kết quả của một sự kiểm soát các cộng đồng địa phương (Guijt, 1991; Rahnama, 1992). Sự tham gia thường được đề cập nhiều trong tài liệu của các dự án hơn là được triển khai trên thực tế. Hơn nữa, nếu các cộng đồng địa phương có tham gia thì vai trò của họ thường chỉ là cung cấp thông tin, hay tham gia trong quá trình triển khai các hoạt động đã được thiết kế hơn là trong giai đoạn lên ý tưởng và khởi dựng các dự án (Pretty, 1995).

Ở Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự tham gia của các cộng đồng cư dân địa phương trong các dự án ở nhiều nơi còn mang tính hình thức. Những khó khăn gặp phải trong việc triển khai các hành động từ cơ sở (from below) không chỉ do sự thiếu vắng niềm tin từ các nhà phát triển mà nó đặt ra nhiều câu hỏi: làm thế nào để mọi hành động đều được khởi xướng bởi chính các cộng đồng địa phương, nhất là khi họ thiếu thốn các nguồn lực và nhất thiết phải có sự can thiệp của những chủ thể bên ngoài (Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các thiết chế quốc tế...)? Làm sao có thể giải quyết được nghịch lý là phát triển thường kéo theo sự can thiệp từ các chủ thể và nguồn lực bên ngoài, song đồng thời lại cần được khởi xướng và tổ chức thực hiện từ bên trong để đảm bảo tính hiệu quả và bền vững? Nói cách khác là làm thế nào để có thể phối hợp các sáng kiến nội sinh với các can thiệp ngoại sinh?. Đây chính là cơ sở để chúng tôi xây dựng dự án nghiên cứu - hành động (research-action) được giới thiệu trong bài viết này. Dự án này có xuất phát điểm là sự ghi nhận nhiều dự án phát triển đã không thể vận hành hiệu quả như mong đợi, thậm chí còn tạo ra những vấn đề mới đối với các cộng đồng. Một trong những lý do chủ yếu dẫn đến sự thất bại của các dự án phát triển mà chúng tôi nhận thấy là sự thiếu hụt hiểu biết cụ thể về điều kiện thực tế tại địa phương. Vì vậy, trước khi tiến hành thay đổi, cần phải hiểu được một cách sâu sắc thực tiễn địa phương và các động năng vốn luôn phụ thuộc vào những bối cảnh đặc thù và các yếu tố mang tính ngẫu nhiên của chúng.

Để chứng minh tính hiệu quả của cách tiếp cận này, từ năm 2009 chúng tôi đã xây dựng "*Dự án nghiên cứu phát triển và biến đổi xã hội ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam*". Dự án bắt đầu với các chuyến khảo sát thực địa dài hạn để sau đó dẫn tới việc triển khai một dự án du lịch sinh thái. Đối với chúng tôi, đây có thể coi là thành công phần nào của việc giới thiệu mô hình "phát triển từ cơ sở" bằng việc vận dụng các kỹ năng nghiên cứu nhân học xã hội trong quá trình hỗ trợ người dân lựa chọn hoạt động kinh tế mới phù hợp và hiệu quả.

1. Sự hình thành dự án: phối hợp vị thế giữ khoảng cách mang tính phản biện và hành động gắn kết

1.1. Những mối quan hệ phức tạp giữa nhân học và phát triển

Từ lâu các nhà nhân học đã được mời tham gia vào những dự án phát triển vốn được thúc đẩy từ bên ngoài như phục vụ "*sứ mệnh khai hoá*" trong thời kỳ thuộc địa, hay giữ vai trò tư vấn trong việc đề xướng dự án phát triển hiện nay. Quan điểm cho rằng các nhà nhân học có vai trò riêng trong những dự án phát triển, giúp nhận thức và đánh giá được các yếu tố "*văn hoá xã hội*" đã trở nên phổ biến từ những năm 1940-1950, ban đầu là ở các nước Bắc Âu, sau đó là ở các địa bàn khác từ những năm 1970 (Atlani-Duault, 2009). Việc các nhà nhân học được tuyển dụng vào các tổ chức phát triển như WB, UNDP, USAID và sau đó là các tổ chức phi chính phủ là minh chứng cho xu hướng này. Quá trình này đã dẫn đến sự hình thành của ngành nhân học ứng dụng, trong đó nhà nghiên cứu đã sử dụng và thường xuyên điều chỉnh các công cụ nghiên cứu của mình để phục vụ cho những dự án phát triển (Chambers, 1983; Cernea, 1991; Willingen, 2002).

Tuy nhiên, cuộc đối thoại giữa các nhà phát triển và các nhà nhân học vẫn rất khó khăn (Guichaoua và Majeres, 1982; Arditì, 2005), ngay cả khi ngày càng có nhiều ví dụ về sự hợp tác hiệu quả giữa họ (Atlani-Duault, 2007; Lavigne Delville 1997; Bouju, 2011). Một trong những vấn đề lớn là các dự án thường chỉ dành một phần nguồn lực rất nhỏ cho các nghiên cứu đánh giá tình hình địa phương. Ngay cả khi các ngành khoa học xã hội đã có được vị trí thì vai trò của nhà nghiên cứu về căn bản vẫn là ở bên lề (Lavigne Delville, 1997). Các nhà nghiên cứu được mời thực hiện những nghiên cứu sơ bộ trong một khoảng thời gian rất ngắn nhằm đánh giá các nhu cầu của người dân trong những phạm vi đã được xác định cụ thể như giáo dục, y tế, tiếp cận nguồn nước, nông nghiệp. Đôi khi họ còn được huy động như là những "*người chữa cháy*" (Lavigne Delville, 1997, p.7) để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai dự án, thường được các nhà phát triển xem như là do tình trạng "*bé tắc văn hoá*". Cũng có khi là các nhà nhân học tham gia một dự án phát triển đơn giản chỉ như là "*nhãn mác*", bởi lẽ các nhà tài trợ sẽ đánh giá cao khi thấy có sự tham gia của khoa học xã hội trong một dự án. Trừ trường hợp ngoại lệ¹, các nhà nhân học hoàn toàn không thể thay đổi cấu trúc của một dự án và lại càng không có thẩm quyền hủy bỏ dự án khi các kết quả điều tra đưa ra khuyến nghị dự án này không phù hợp. Hơn nữa, quỹ thời gian dành cho điều tra thực địa khiến nhà nghiên cứu rất khó sử dụng các tiếp cận và phương pháp đặc thù của nhân học, như thâm nhập và quan sát tham dự cũng như có một cái nhìn mang tính xuyên suốt và toàn diện về hiện thực xã hội. Ngày nay việc ghi nhận các khía cạnh văn hoá và xã hội được coi là cần thiết, thì ngược lại "*mô thức phát triển*" (developmentalist

¹ Lavigne Delville cung cấp một "ví dụ hiếm hoi theo đó một nghiên cứu về tính khả thi đã dẫn tới quyết định loại bỏ dự án và hơn nữa là vì các "lý do xã hội học" (1997, p. 25).

configuration)² ít khi được xem xét như là một đối tượng nghiên cứu giống như cộng đồng cư dân mà dự án hướng tới, mặc dù sự vận hành của một dự án đồng thời phụ thuộc vào những người tiếp nhận cũng như những người tổ chức thực hiện.

Từ sự ghi nhận những thiên lệch này, một số nhà nhân học đã phê phán việc huy động sự tham gia của nhà nhân học trong các hoạt động phát triển. Song họ lại không loại trừ mối quan tâm đến phát triển với tư cách là một lĩnh vực nghiên cứu học thuật. Chính vì vậy, từ những năm 1990, nhân học phát triển đã ra đời như là một phân ngành khoa học. Phân ngành này tự nhận là nhân học cơ bản khi coi các tiến trình hay hành động phát triển như là các đối tượng nghiên cứu, đồng thời chính nó đôi khi lại khai thác chiều kích ứng dụng của các nghiên cứu kể trên để cung cấp thông tin cho những người ra quyết sách (Robertson, 1984; Ferguson, 1990; Olivier de Sardan, 1995; Long, 2001; Li, 2007; Lewis và Mosse, 2006; Atlani-Duault và Vidal, 2009; Le Meur và Lavigne Delville, 2009; Crewe và Axelby, 2013).

Giữa hai cực, một bên là nhân học phát triển ứng dụng và bên kia là nhân học phát triển mang tính học thuật, còn có nhiều dạng thức can thiệp trung gian của giới nhân học trong phát triển. Việc đặt nhân học phát triển vào thế đối lập giữa hai tư cách nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản hiện nay đang bị chỉ trích rộng rãi (Chambers, 1987; Albert, 1995; Lewis, 2005). Vấn đề quan trọng ở đây là phải xem xét chúng như là hai cực của một chuỗi liên tục với một bên là phân tích khoa học vốn giữ một khoảng cách mang tính phản biện và một bên lại là nghiên cứu hướng tới hành động cũng như triển khai ứng dụng (Fassin, 1999; Cefaï, 2010). Trong trường hợp dự án được mô tả dưới đây, chúng ta sẽ xem xét quá trình nhóm nghiên cứu đi từ vị thế này sang vị thế khác như thế nào khi phối hợp chúng với nhau.

1.2. Kết hợp giữa thái độ phản đối quan điểm vị phát triển với sự gắn kết trong nghiên cứu

Ban đầu chúng tôi chủ trương giữ khoảng cách với quá trình phát triển tại địa phương, ít nhất là vì ba lý do. *Thứ nhất*, những tác động có nguy cơ gây bất ổn hay thậm chí là triệt tiêu văn hoá phát triển đối với các cộng đồng cư dân (Jaulin, 1984; Escobar, 1995; Rist, 2001; Ferguson, 1990). *Thứ hai*, do sự vận hành của lĩnh vực phát triển và vị thế thống trị của các nhà tài trợ đã hạn chế tối đa những cơ hội cho việc đề xuất các tiếp cận thay thế (Lavigne Delville, 1997; Giovalucchi và Olivier de Sardan, 2009; Bouju, 2011). *Thứ ba*, nền tảng hệ tư tưởng của hoạt động phát triển bị chi phối bởi tiến hoá luận xã hội hay thuyết hiện đại hoá và chủ nghĩa vị tha (Olivier de Sardan, 1995). Trong một bối cảnh như vậy, chúng tôi ưu tiên nghiên cứu học thuật về các dự án, khi cần thì chỉ ra các mặt trái của chúng, song dứt khoát không tham gia vào một dự án cụ thể nào. Theo quan điểm của Lewis (2005), vị

² Chỉ "cái thế giới tập hợp các nhà lãnh đạo NGO, các nhà nghiên cứu, các chuyên viên kỹ thuật, các chủ nhiệm dự án, các cán bộ thực địa, là những người sống dựa vào sự phát triển của những kẻ khác và huy động hay quản lý các nguồn lực vật chất và biểu tượng khổng lồ (Olivier de Sardan, 1995, p. 7).

thể của chúng tôi được đặt định trong vòng ảnh hưởng của các thái độ phản đối quan điểm vị phát triển (nhân học chống phát triển hoặc hậu phát triển) được bắt đầu từ những năm 1990 và phù hợp với vị thế của người quan sát tự đặt mình tách biệt với quan điểm về phát triển hay động lực của những người tìm cách thúc đẩy phát triển (Lewis, 2005).

Tuy nhiên, khi chứng kiến nhiều hành động phát triển dường như gây tổn hại cho những người thụ hưởng, lại thường xuyên được các nhà phát triển kêu gọi hỗ trợ cũng như được thuyết phục về sự cần thiết của một nghiên cứu can dự, được hiểu là biểu đạt cho vị trí của nghiên cứu học thuật trong "lĩnh vực xã hội-chính trị", chúng tôi không thể giữ vị thế của các nhà quan sát phản biện thuần túy từ bên ngoài. Quyết định can dự của chúng tôi được thúc đẩy bởi tính hai mặt và có nghịch lý giữa một bên là giữ khoảng cách với phát triển để có thể phản biện nó một cách hiệu quả và mặt khác là mong muốn can dự nhằm giúp thay đổi các thông lệ "nội bộ", song lại có nguy cơ trở thành một bộ phận cấu thành của những động năng mà chúng tôi vốn bác bỏ.

Quan điểm cần nghiên cứu chi tiết thực tế địa phương trước khi tiến hành một dự án giờ đây đã trở nên phổ biến và thường được áp dụng, đặc biệt là trong các nghiên cứu "xác định nhu cầu", nghiên cứu "tính khả thi" hay nghiên cứu "bối cảnh địa phương". Theo nghĩa này, dự án của chúng tôi không có gì mới mẻ. Song những nghiên cứu nói trên lại hiếm khi sử dụng các phương pháp của nhân học, vốn đòi hỏi nhiều thời gian cũng như những kỹ năng đặc biệt. Nhiều nghiên cứu được thực hiện khi các dự án đã được xây dựng để kêu gọi tài trợ và theo đó thì lĩnh vực can thiệp, các mục tiêu chung và đôi khi là cả các hành động cần triển khai đã được xác định rõ. Việc sử dụng các kết quả nghiên cứu định tính không đáng kể, không có tính quyết định (Lavigne Delville, 1997) và chỉ đem lại tác dụng điều chỉnh một khuôn khổ đã định sẵn nếu có. Những kiến nghị từ các nhà nhân học chỉ được quan tâm phần nào và chỉ khi trong chừng mực chúng không xung đột với các mục tiêu của dự án.

1.3. Các nguyên tắc và quá trình khởi dựng dự án "Nghiên cứu phát triển và biến đổi xã hội ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam"

Để đảm bảo không có tác động xấu đến cộng đồng địa phương khi tham gia lĩnh vực phát triển, chúng tôi đã đề ra một loạt nguyên tắc vừa mang tính đạo đức vừa mang tính thực tiễn. Những nguyên tắc này chính là nền tảng cho hoạt động dự án và biểu đạt cho cả thể thức can thiệp trong lĩnh vực phát triển của chúng tôi.

- *Nguyên tắc đạo đức Hippocrate*: "Trước hết là không được gây tổn hại" (Anderson, 1999). Đối với chúng tôi, "tổn hại" không chỉ có nghĩa là không được tác động tiêu cực tới các điều kiện sống vật chất, văn hóa, xã hội cũng như môi trường tự nhiên của người dân địa phương mà còn có nghĩa là không được làm biến đổi đời sống văn hoá - xã hội của họ.

- *Nguyên tắc hiểu biết từ trước*: Mỗi thay đổi xã hội được thúc đẩy bởi các tác nhân bên ngoài sẽ không được coi là phù hợp và bền vững nếu thiếu sự hiểu biết sẵn có về thực

tiền ở địa phương (Olivier de Sardan, 1995). Để thấu hiểu được các hoàn cảnh xã hội - chính trị địa phương, cần huy động các tri thức và phương pháp nghiên cứu của khoa học xã hội chứ không chỉ trông cậy duy nhất vào những đánh giá giám định trong khuôn khổ của các điều tra nhanh.

- *Nguyên tắc phụ thuộc lẫn nhau về mặt xã hội*: Trong bất kỳ xã hội nào, các lĩnh vực luôn có quan hệ gắn kết và phụ thuộc lẫn nhau. Do vậy, dự án phải nắm bắt được tính tổng thể này và các hoạt động triển khai cần được coi như là những yếu tố bổ trợ, góp phần vào tạo dựng thế cân bằng xã hội hiện tại (Jaulin, 1999). Việc tìm hiểu về những "mô thức của các nhà phát triển" (developmentalist configuration) cũng được tiến hành trên cơ sở nguyên tắc này.

- *Nguyên tắc cẩn trọng*: Cần nắm bắt được các hoàn cảnh đặc thù cũng như tính không đoán định trước được của chúng khi tiến hành một nghiên cứu hay sự can thiệp giới hạn ở cấp địa phương vi mô (Larrère và Larrère, 1997).

- *Nguyên tắc độc lập trong nghiên cứu*: Để có thể thực hiện các nguyên tắc đã nói tới ở trên, nhà nghiên cứu cần được hưởng một sự độc lập nhất định trước các nhà tài trợ, đặc biệt là trong việc xác định các đối tượng nghiên cứu, các chủ đề cần tìm hiểu, các phương pháp được sử dụng, thời gian dành cho nghiên cứu cũng như các kết quả phân tích (Olivier de Sardan, 1995, tr. 194). Từ quan điểm này, chúng tôi không để bản thân chịu sự áp đặt của các "điều khoản tham chiếu" (terms of reference) cho công việc của mình, đây là một điều kiện cần thiết cho sự tham gia của chúng tôi trong lĩnh vực phát triển.

Trên nền tảng các nguyên tắc này, chúng tôi đã soạn thảo một đề xuất với hai nội dung: nghiên cứu và hành động. Nội dung nghiên cứu xoay xung quanh hai trục chính: Trục thứ nhất là một nghiên cứu về các động năng xã hội, văn hoá, chính trị và kinh tế.; Trục thứ hai dành cho việc xem xét các khía cạnh khác nhau của các tiến trình phát triển và biến đổi xã hội ở cộng đồng được nghiên cứu. Dựa trên các kết quả thu được từ những nghiên cứu xuyên suốt này, nội dung thứ hai tập trung vào hành động, liên quan quá trình lên ý tưởng, triển khai và giám sát một dự án phát triển đặc thù, được thiết kế dựa trên hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Kể từ năm 1998, chúng tôi đã thiết lập các quan hệ hợp tác với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai như là đối tác chính của nhóm nghiên cứu. Đồng thời hợp tác với ba cán bộ của Sở, hai nhà xã hội học và một nhà nhân học thường xuyên tiến hành nghiên cứu thực địa ở các thôn bản miền núi. Chúng tôi cũng hợp tác với với Khoa Nhân học thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (một nhà nhân học và hai sinh viên). Trên thực địa, nhóm nghiên cứu đã chia sẻ các kỹ thuật điều tra, những cảm nhận và ý kiến của nhau, cùng ăn cùng ngủ ở các ngôi nhà sàn thôn bản và cùng dự các bữa cơm nhân các dịp lễ, tết, ngày hội...

Chúng tôi đã chọn ra một xã nghiên cứu thuộc tỉnh Lào Cai. Đây là địa bàn mà Christian Culas đã tới làm việc trong khuôn khổ một nghiên cứu về du lịch dân tộc thiểu số ở Lào Cai năm 2002 và phù hợp với các tiêu chí: một xã có các nhóm dân tộc thiểu số được coi là tương đối nghèo; một cộng đồng có thể tiếp cận về mặt địa lý và hành chính song lại ở xa các cơ quan ra quyết sách; một không gian hạn hẹp tương ứng một cộng đồng mà mọi người dân đều có quan hệ quen biết với nhau. Trên địa bàn xã có bốn tộc người sinh sống: người Tày (95%), người Hmông, người Dao và người Kinh (5%); với 4.800 nhân khẩu thuộc 1.012 hộ gia đình. Hoạt động của người dân nơi đây chủ yếu là trồng lúa nước và chăn nuôi, các công việc phi nông nghiệp (buôn bán, làm thuê tự do, thợ xây, dịch vụ...) và khai thác đất đồi núi làm nương rẫy (sắn và ngô) cũng như trồng rừng (keo, quế...). Tại thời điểm năm 2010, thu nhập trung bình tính theo đầu người mỗi năm là 6 triệu đồng.

Vấn đề đặt ra còn là làm thế nào thuyết phục được các nhà tài trợ cung cấp tài chính cho một dự án nghiên cứu - phát triển không hề có các hành động phát triển được xác định từ trước. Sau vài lần thất bại trong việc thuyết phục nhiều tổ chức phi chính phủ (NGO), cuối cùng chúng tôi đã được Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) chấp thuận tài trợ trong vòng hai năm. Sự "hợp tác được thoả thuận" (Olivier de Sardan, 1995, tr. 194) giữa các nhà nghiên cứu và cơ quan phát triển chính là cơ sở để khởi dựng dự án này. Nhóm nghiên cứu được toàn quyền tiến hành các nghiên cứu mà không phải chịu bất cứ áp đặt nào từ bên ngoài (về thời gian, địa điểm, chủ đề, hình thức, phương pháp...). Cần phải nói rõ đây là điều rất hiếm gặp trong nghiên cứu về phát triển.

2. Quá trình thực hiện dự án: từ nghiên cứu tới hành động

2.1. Khảo sát dân tộc học³

Trong vòng 3 năm, nhóm nghiên cứu của chúng tôi cứ hai tháng lại đi thực tế tại các thôn bản trong một khoảng thời gian trung bình là hai tuần. Sự thâm nhập đời sống thường nhật của người dân cùng với các cuộc phỏng vấn sâu là kỹ thuật điều tra chính được chúng tôi áp dụng. Chúng tôi tiến hành các cuộc phỏng vấn với chủ đề mở theo nhịp sống của người dân địa phương, tham gia các hoạt động sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, hái chè và thu hoạch sắn, khai thác gỗ...) cũng như sinh hoạt xã hội (ăn cưới, dự đám ma, dựng nhà...), đó là chưa kể việc có các cuộc họp chính thức với các giới chức tại Ủy ban nhân dân xã, đặc biệt là với những người có liên quan tới các dự án phát triển được triển khai tại địa phương.

Trong ba năm triển khai nghiên cứu (2010-2013), chúng tôi đã phỏng vấn hơn 400 người, gồm nông dân và cán bộ địa phương, tham gia hơn chục cuộc họp chính thức với đại diện chính quyền cấp xã và cấp huyện cũng như dự vô số bữa liên hoan mà ở đó tình cảm càng ngày thêm gắn gũi. Với nhận thức trong một nền văn hoá, mọi lĩnh vực đời sống đều có quan hệ gắn kết với nhau, các tiếp cận hoàn toàn không mang tính phân chia khu vực. Ví dụ,

³ Có thể xem một miêu tả chi tiết về phương pháp trong công trình đã xuất bản của Pannier và Culas (2016)

chúng tôi vừa nỗ lực tái tạo các tiến trình lịch sử địa phương từ thời tiền thuộc địa tới hiện tại, vừa tìm cách phá vỡ các lễ thói quan hệ xã hội, lễ lạt và nghi lễ. Chúng tôi cũng tìm hiểu các hoạt động kinh tế nông nghiệp và phi nông nghiệp, những nguồn thu nhập tiền tệ chủ yếu, các loại hình tín dụng cũng như những dạng thức trao đổi phi thị trường, các vấn đề ruộng đất, tổ chức quan hệ thân tộc và tổ chức quyền lực địa phương cũng như quan hệ giữa Nhà nước với các cộng đồng cư dân (Pannier, 2016).

Trục nghiên cứu thứ hai tập trung xem xét các động năng của biến đổi xã hội cũng như những dự án phát triển cả trước đây lẫn hiện tại, các mô thức, tính logic của chúng và cả phản hồi từ địa phương. Những kinh nghiệm cụ thể này cần phải được nghiên cứu bởi lẽ chúng quyết định sự vận hành các dự án mới. Ban đầu, chúng tôi đã dựng lên một bức tranh toàn cảnh về tất cả các dự án phát triển đã được triển khai tại địa phương từ 15 năm trở lại: có hơn 20 dự án đã được thống kê, bao trùm hầu hết mọi hoạt động kinh tế, xã hội và văn hoá. Tiếp sau đó, ngoài hai dự án tổng thể của Nhà nước với nhiều hoạt động liên quan đến cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm) và kinh tế hộ gia đình⁴, chúng tôi còn quan tâm xem xét một số dự án tiêu biểu. Hướng tiếp cận của chúng tôi là tập trung nghiên cứu diễn biến của những dự án này, các thành tựu đạt được hay những khoảng cách giữa mục tiêu ban đầu và kết quả đạt được trong thực tế, những quan hệ tương tác giữa các chủ thể tham gia và những cách thức mà các lợi ích, logic cũng như chuẩn mực khác nhau tương tác với nhau, đôi khi là đối chọi lẫn nhau, trong suốt quá trình các dự án này được triển khai⁵.

2.2. Các kết quả điều tra: hành động như một người trung gian hay giữ khoảng cách?

Nghiên cứu cho thấy các dự án phát triển ở địa phương hoàn toàn do Nhà nước xây dựng và quản lý dù thuộc lĩnh vực nào. Chúng tôi cũng đã xác định được những phản hồi hết sức đa dạng của các cộng đồng cư dân địa phương, từ sự tham gia tích cực hay mang tính thụ động cũng như các hành động tránh né, lợi dụng hay trục lợi. Thêm vào đó, người dân trong xã đôi khi tiếp nhận quá nhiều dự án với không ít hoạt động trùng lặp, vì vậy ở cấp độ địa phương đã có một tình trạng một số dự án không đem lại kết quả rõ ràng như mong đợi.

Từ những kết quả thu được này, chúng tôi nhận thấy việc triển khai thêm một dự án nữa trong cộng đồng này không phải là việc làm thích đáng. Các vấn đề cũng như khó khăn mà địa phương gặp phải là sự biện minh cho một sự can thiệp, phần lớn lại đến từ các ảnh hưởng bên ngoài, thường mang tính áp đặt theo kiểu từ trên xuống (*top-down*), không hề thích hợp với hoàn cảnh thực tế địa phương. Cùng với việc ghi nhận các vấn đề gắn liền với những tác nhân đến từ bên ngoài và gây ra bất ổn, hành động thích đáng duy nhất chính là đảm trách vai trò trung gian giữa yếu tố đến từ bên ngoài với cộng đồng địa phương. Chúng

⁴ Chương trình 135 (giai đoạn 1998-2015) và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (giai đoạn 2010-2020).

⁵ Xem chi tiết Pannier và Culas (2016)

tôi nhận thấy sẽ phù hợp hơn cả nếu dựa vào các dự án đang được triển khai hay sắp triển khai để định hướng chúng và thúc đẩy sao cho chúng đạt được mức độ phù hợp nhất với thực tế địa phương. Vì chủ yếu các can thiệp diễn ra dưới sự chỉ đạo của chính quyền địa phương nên việc cần làm trước hết là tiếp cận những người ra quyết sách để có thể tác động đến các điều kiện dẫn tới sự thay đổi, đặc biệt là ở giai đoạn lên ý tưởng dự án.

Hình thức can dự của chúng tôi đặt ra nhiều câu hỏi: Sau khi đã áp dụng vị thế của nhà nhân học phát triển để tiến hành nghiên cứu các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương trong khi giữ khoảng cách với chúng, liệu chúng tôi đã sẵn sàng giữ vai trò người cố vấn cho chính quyền địa phương? Liệu sẽ là chính đáng nếu chúng tôi đảm đương vai trò này? Từ góc độ tư tưởng, chúng tôi thường phản đối hình thức can thiệp nhưng trên thực tế chúng tôi đã hành động theo hướng này.

2.3. Can dự vào một dự án để điều chỉnh hướng triển khai

Tại một cuộc họp với lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện, nhóm nghiên cứu của chúng tôi đã được mời tư vấn cho một dự án "du lịch văn hóa" khá giống với những gì chúng tôi quan sát thấy ở Sapa, theo một mô hình học từ kinh nghiệm phát triển du lịch miền núi ở Vân Nam, Trung Quốc mà một số cán bộ lãnh đạo vừa mới tham quan trước đó. Phản ứng ban đầu của chúng tôi là từ chối tham gia bởi nhận thấy dự án không thích hợp (Culas, 2004; Dolezal, 2011). Chúng tôi đã bày tỏ quan điểm của mình với các vị lãnh đạo, đặc biệt là về những rủi ro của loại hình du lịch được áp đặt từ bên ngoài này. Ngược lại, chúng tôi đề cao việc hướng tới một dự án qui mô nhỏ theo mô hình du lịch sinh thái. Giới lãnh đạo địa phương đã tỏ ra quan tâm và chú ý tới các lập luận của chúng tôi. Họ đã yêu cầu chúng tôi giúp đỡ theo hướng triển khai một dự án qui mô nhỏ. Chúng tôi vẫn luôn lo lắng về tính hợp lý cũng như những nguy cơ của việc tham gia. Song cho tới khi tham gia dự án này, chúng tôi đã có cơ hội đưa ra các kiến nghị trên cơ sở nghiên cứu của mình, trong đó có việc lồng ghép một hoạt động phát triển *ngay từ thời điểm lên ý tưởng* nhằm hạn chế những hệ quả tiêu cực có thể. Đối với chúng tôi, dự án thử nghiệm này chính là cơ hội chứng minh sự hiệu quả của tiếp cận mà chúng tôi bảo vệ. Chúng tôi cũng cần có quyền chủ động điều chỉnh về mặt cấu trúc dự án này cũng như tôn trọng các nguyên tắc đã đề ra khi tham gia một hành động phát triển (như đã nêu ở trên).

Đánh giá của chúng tôi về các khả năng tác động và can thiệp có thể nói là rất khả quan. Khi chúng tôi miêu tả quan điểm của mình về du lịch, vốn là để từ chối sự mời gọi tư vấn của các vị lãnh đạo, thì chính họ đã ngay lập tức được thuyết phục. Các mục tiêu, cấu trúc cũng như các hoạt động của dự án du lịch lúc đó vẫn còn chưa được soạn thảo. Vì vậy, chúng tôi có được khả năng can thiệp ngay từ đầu. Hơn nữa, chúng tôi nhận được sự ủng hộ từ người đứng đầu cơ quan du lịch của tỉnh, là người sẽ ra quyết định cuối cùng để phê duyệt dự án này. Các thành viên Việt Nam trong nhóm nghiên cứu của chúng tôi cũng đều có quan hệ gắn bó với cán bộ địa phương, những người chịu trách nhiệm soạn thảo kế hoạch dự án.

Sự tham gia của chúng tôi vào dự án này vẫn có nguy cơ bất tay tạo ra một sự thay đổi mang tính áp đặt từ bên ngoài, có thể gây tổn hại ở cấp độ địa phương. Tuy nhiên, chúng tôi đã nắm bắt cơ hội này và đưa ra những biện pháp để ngăn ngừa hay ít ra là hạn chế những rủi ro có thể gặp phải. Nói cách khác, chúng tôi có điều kiện để tôn trọng các nguyên tắc nền tảng mà chúng tôi đã thiết lập cũng như có cơ hội đi xa hơn trong dự án nghiên cứu - hành động mang tính thử nghiệm của mình và khẳng định tính hợp lý của nó. Những yếu tố phát sinh ngẫu nhiên đã dẫn chúng tôi tới chỗ chấp nhận sự hợp tác này.

Ngay từ giai đoạn đầu, các đường hướng lớn của dự án đã được phác thảo. Một trong những thách thức lớn đặt ra là làm sao có thể đưa được nhiều nhất có thể quan điểm của chính người dân trong xây dựng ý tưởng và thực hiện dự án. Để làm việc này, cũng như để vẫn đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc mà chúng tôi đã đề ra, các điều tra thực địa được áp dụng riêng cho dự án du lịch trở nên cần thiết để giúp nắm bắt được những nguyện vọng cũng như nhu cầu của người dân, xác định các thôn bản tham gia và những tuyến du lịch, tuyển lựa các hộ gia đình quan tâm tham gia, thành lập ban quản lý, tổ chức các cuộc họp và khoá đào tạo (phục vụ lưu trú, nấu ăn và hướng dẫn viên địa phương...).

Trong năm 2015, dự án đã nhận được một khoản kinh phí hỗ trợ từ Hội văn nghệ dân gian Việt Nam mà vị Phó chủ tịch của cơ quan này nguyên là giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch của tỉnh Lào Cai, một đối tác và cũng là bằng hữu của chúng tôi. Nhờ nguồn tài trợ này, chúng tôi đã có thể tiến hành các hoạt động chuẩn bị: trước hết là điều tra các hộ gia đình để xem ai muốn và có thể (xét từ cấu trúc hộ gia đình, nguồn nhân lực có sẵn và vị trí của ngôi nhà, các hoạt động kinh tế hộ gia đình) tiếp nhận khách du lịch và sau đó là trang bị cơ sở vật chất cho các hộ được chọn cũng như tổ chức tập huấn cho họ để có thể đón tiếp khách (Pannier & Culas, 2016).

Vấn đề trọng tâm ở đây là làm thế nào thu hút sự tham gia của người dân vào một dự án được thiết kế theo cách đủ linh hoạt để có thể điều chỉnh cơ cấu căn cứ theo các hoàn cảnh thực tế của địa phương. Chúng tôi đã gặp gỡ những người dân của các thôn bản được chọn, ngay tại nhà của họ, từng hộ gia đình một, để giải thích riêng cho họ về dự án, hỏi ý kiến của họ xem ai có nguyện vọng và có thể tham gia. Tại địa phương, chúng tôi đã nhận thấy một phần đáng kể các thảo luận về quản lý cộng đồng lại chính là ở những cuộc gặp mặt phi chính thức ở nhà người dân, là nơi mà không khí thân mật cho phép mọi người thoải mái phát biểu ý kiến hơn so với trong các cuộc họp chính thức của chính quyền. Như vậy, ngoài các cuộc họp được tổ chức tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, chúng tôi mời những người liên quan dự các cuộc gặp mặt ăn cơm thân mật ở nhà người dân trong làng để thảo luận về dự án.

Từ năm 2014 đến năm 2018, một số hộ dân tham gia dự án thử nghiệm đã đón tiếp chừng 60 khách du lịch mỗi năm và dự án tiếp tục phát triển mà không có sự can dự của chúng tôi. Dự án đã được tiếp tục triển khai trong khuôn khổ một chương trình phát triển địa phương của Đại học Quốc gia Hà Nội, và hiện nay là một dự án phối hợp phát triển du lịch

với nâng cao giá trị di sản địa phương do chính quyền huyện Sa Pa điều phối có sự tham gia của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch của tỉnh Lào Cai cũng như Cục Di sản văn hoá thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Các khoá đào tạo về du lịch đã được tổ chức cho người dân và nhà của 5 hộ gia đình đã được chọn làm "nhà nghỉ cộng đồng thử nghiệm".

3. Cái nhìn phản thân và phản biện về sự tham gia của nhóm nghiên cứu

3.1. Những hạn chế và nguy cơ từ thể thức can thiệp của chúng tôi

Việc tham gia dự án này đã dẫn tới câu hỏi về tính chính đáng từ sự can dự của chúng tôi. Trong suốt quá trình dự án, chúng tôi đã cố gắng trung thành với những nguyên tắc, hệ tư tưởng cũng như tiếp cận khoa học của mình. Từ những bước khởi động cho tới quá trình theo dõi các hoạt động của dự án, các điều tra khảo tả dân tộc học luôn được đặt ở vị trí trung tâm. Hơn nữa, chúng tôi đã có thể tham gia vào một dự án phát triển địa phương ngay từ giai đoạn lên ý tưởng, đã có thể thay đổi các mục tiêu ban đầu và đưa vào đó các yếu tố của thực tiễn địa phương. Cuối cùng, thay vì đề xuất các thay đổi để nâng cao đời sống của người dân thì mục tiêu chính của chúng tôi là hạn chế những tác động xấu của các hành động ngoại sinh. Song mục tiêu này đã không thể hoàn toàn trung tính và đặt ra ba điểm đáng lưu ý.

Trước hết, chúng tôi đã định hướng lại các mục tiêu của dự án du lịch được dự kiến ban đầu, với lý do là chúng có thể gây bất ổn đối với các cộng đồng cư dân. Song liệu làm như vậy chúng tôi có áp đặt một cái nhìn "mang tính cố định" hay thậm chí là quan điểm "phản-hiện đại hoá" (anti-modernization) đối với những người dân? Đây là quan điểm của chính người dân về vấn đề này?. Trên thực tế, điểm thiên lệch thứ hai trong cách thức can dự của chúng tôi là người dân đã không được tạo điều kiện tham gia ngay từ giai đoạn lên ý tưởng dự án mà phải đợi cho tới khi đặt ra quan điểm phát triển du lịch sinh thái. Cho tới lúc đó, dự án này là do sáng kiến của lãnh đạo chính quyền cấp tỉnh và huyện cũng như từ các nhà nghiên cứu. Nói cách khác, dự án này vẫn theo lối *top-down* và mang tính ngoại sinh. Sớm nhận thức được mỗi thiên lệch này nên ngay sau khi đồng ý với chính quyền về hình thức của dự án (du lịch sinh thái qui mô nhỏ), chúng tôi đã tổ chức điều tra tại các thôn bản để có thể bổ sung quan điểm cũng như nguyện vọng của người dân. Hơn nữa, chúng tôi đã có thể dự kiến được rằng cấu trúc của dự án (mục tiêu, hoạt động...) sẽ mang tính linh hoạt để cho phép chính người dân sắp xếp lại cũng như thực hiện những điều chỉnh thích ứng. Thiên lệch cuối cùng từ sự can dự của mình là chúng tôi đã thể hiện như là những người nắm giữ tri thức về những gì diễn ra tại địa phương và như vậy cũng trở thành những người trung gian chính đáng giữa cư dân địa phương với một số can thiệp từ bên ngoài. Chúng tôi tự lấy vai trò "người phát ngôn" (spokesperson) của người dân thôn bản và điều này đã dẫn tới - theo một cách không được thừa nhận và không phải là tự nguyện - quan điểm cho rằng người dân không thể tự bảo vệ quyền lợi của họ (Reikat, 2012). Vai trò trung gian này mang trong nó mỗi nguy là thay thế cho sự biểu đạt trực tiếp của những người thụ hưởng (Lavigne

Delville, 1997, tr. 15), cho dù chúng tôi luôn chú ý đến sự cần thiết phải thiết lập những không gian trao đổi giữa các chủ thể khác nhau của dự án.

3.2. Những vị thế khác nhau được thể hiện trong quá trình triển khai dự án

Trong thực tế, vai trò của chúng tôi liên tục thay đổi theo dự án, bởi lẽ chúng tôi chuyển dịch từ vị thế: (1) nhà quan sát phản biện tiến hành các nghiên cứu học thuật tới (2) nhà tư vấn cho một dự án du lịch trong quá trình xây dựng bởi giới chức địa phương và nhà trung gian giữa các logic địa phương với những can thiệp từ bên ngoài, (3) để kết thúc tham gia thực hiện trực tiếp các hoạt động của một dự án du lịch sinh thái cùng quan sát phản biện chúng.

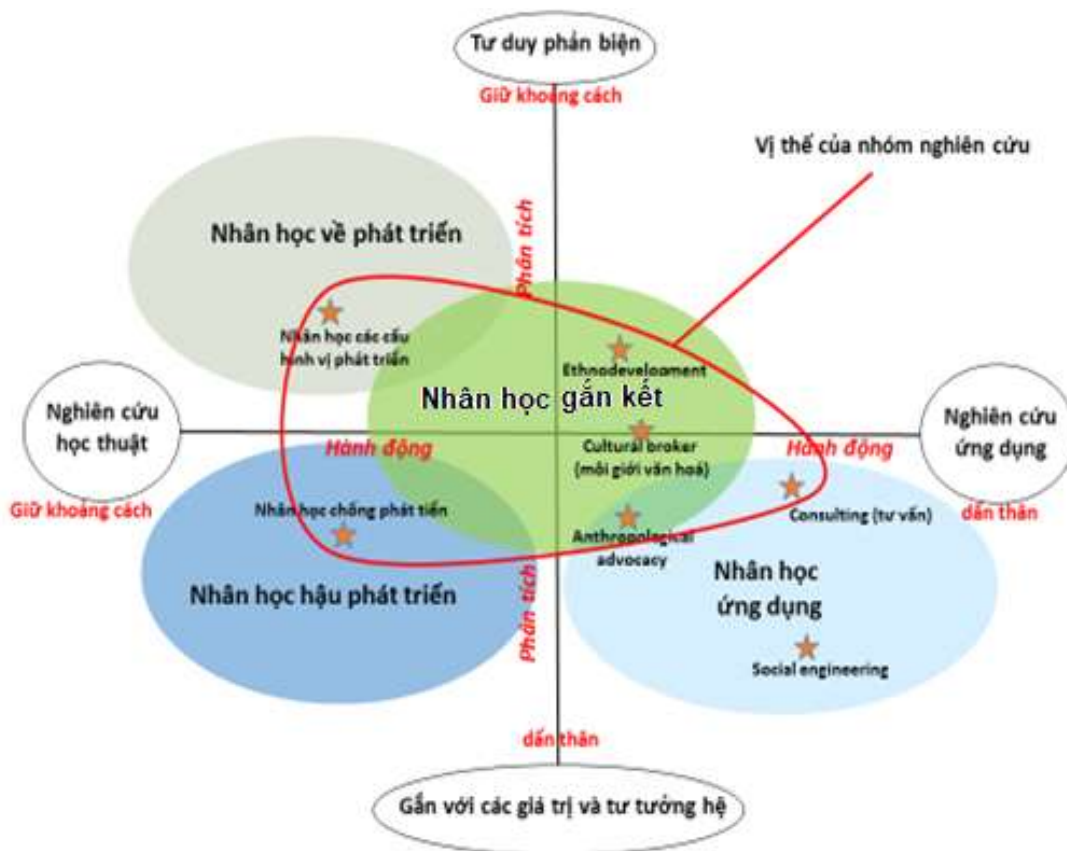
Vai trò thứ nhất tương ứng với nhân học phát triển mang tính học thuật. Đó là nghiên cứu tính không đồng nhất của các chủ thể và những lý luận đối chọi với nhau xung quanh bộ máy phát triển, hòng nắm bắt được "sự đan cài của các logic xã hội" và các "mô thức phát triển" (Olivier de Sardan, 1995; 2021). Tiếp cận này duy trì "*một thái độ giữ khoảng cách mang tính phản biện song lại gắn kết*" (Atlani-Duault, 2009, p. 40) và tự xem là nhân học cơ bản trong khi vẫn đề ngỏ tính ứng dụng của các nghiên cứu. Song nếu như nhà nghiên cứu về phát triển có thể "khai sáng" những người ra quyết sách và giúp phản biện các lề lối hoạt động thực tiễn thì sự can thiệp của anh ta/cô ta vẫn không phải với vai trò người thực hiện trực tiếp những hoạt động phát triển.

Vai trò thứ hai liên quan đến những "người trung gian" (Mathieu, 2012) hay như đôi khi truyền thống nhân học xã hội Anh gọi là "môi giới văn hoá" (cultural brokers) (Atlani-Duault, 2009). Hình thức can dự này hình thành từ một "truyền thống lâu dài mà ở đó các nhà nhân học nỗ lực kết hợp tương tác cộng đồng của họ với người dân tham gia vào nghiên cứu vốn đại diện cho những nhóm yếu thế (Lewis, 2005, p. 472). Vị thế này cũng gần gũi với quan điểm "phát triển tộc người" (Jaulin, 1984) và trong một chừng mực hẹp hơn là "nhân học vận động chính sách" (Albert, 1995) - một tiếp cận coi trọng việc bảo vệ cho lợi ích của các cộng đồng cư dân bị yếu thế mà không từ bỏ các phương pháp của nhân học để giúp người dân càng ngày càng trở nên tự chủ trong đời sống thường nhật của họ.

Vai trò thứ ba phần nào tương ứng với nhân học ứng dụng, là một tiếp cận hướng tới việc vận dụng các hiểu biết thực địa để lên ý tưởng và thực hiện những dự án phù hợp với thực tiễn địa phương (Willingen, 2002). Vị thế này hàm chứa trong nó một "bước tiến tới hành động" (Dozon, 1991) và một sự thể hiện quan điểm rõ ràng đối với hình thức phát triển được xem là thích đáng hay cần thiết. Song tiếp cận của chúng tôi khác với các vai trò cổ điển được gán cho "nhà nhân học can dự" (Bouju, 2011) bởi lẽ chúng tôi không đợi tới khi dự án vận hành thì mới can thiệp, mà đã tham gia ngay từ lúc lên ý tưởng cũng như trong suốt quá trình triển khai dự án với hoạt động trọng tâm là các điều tra khảo tả dân tộc học. Chúng tôi như vậy đã có thể tránh được lối quản trị "kỹ nghệ xã hội" (social engineering) và những phương pháp điều tra nhanh (Cernea, 1991) để có thể khẳng định vai trò quan trọng của một khảo tả dân tộc học giữ cái nhìn tổng thể và được triển khai một cách chặt chẽ trong dài hạn.

Những thể thức can thiệp của chúng tôi trong dự án này phản ánh cách thức mà mối quan hệ biện chứng giữa vị thế giữ khoảng cách cùng tinh thần phản biện và sự gắn kết đã được thể hiện trong trường hợp cụ thể. Theo hướng đi của Fassin, người đề xuất việc "*xử lý sự đối lập này theo một cách năng động và đa chiều*" (Fassin, 1999, p. 46), có thể sẽ hữu ích khi phân biệt rõ hai cấp. Cấp hành động được cấu thành từ hai cực: *nghiên cứu cơ bản* một bên (giữ khoảng cách) và *nghiên cứu ứng dụng* một bên (can dự). Cấp phân tích trải dài từ *giữ khoảng cách với tinh thần phản biện* (giữ khoảng cách) đến *thể hiện các quan điểm đạo đức, luân lý và tư tưởng hệ* (dẫn thân/gắn kết). Sơ đồ dưới đây trình bày không gian mà hai trục này có thể cấu thành và cho thấy các vai trò khác nhau mà chúng tôi đã thể hiện trong tiến trình dự án. Không gian bên trong đường viền sắc đỏ tương ứng với sự kết hợp các vị thế của chúng tôi trong khuôn khổ dự án này.

Sơ đồ 1: Những vị thế khác nhau của nhà nhân học tham gia hoạt động phát triển: giữ khoảng cách và gắn kết



Kết luận

Dự án được giới thiệu trong bài viết này là ví dụ về một ý định huy động các công cụ và tiếp cận nhân học nhằm thúc đẩy quá trình “phát triển từ cơ sở”. Đó là tiến hành các điều tra khảo sát dân tộc học tại một địa phương để có thể xác định lĩnh vực can thiệp và một

cách thức triển khai phù hợp. Từ nghiên cứu về cả các động năng xã hội và văn hoá cũng như lịch sử hoạt động phát triển tại địa phương, các kết quả thu được đã dẫn dắt chúng tôi tới chỗ ủng hộ và kết hợp nhiều vị thế và vai trò từ giữ khoảng cách tới can dự. Nếu hình thức can dự lĩnh vực phát triển của chúng tôi đã biến chuyển thì ở đây cần khẳng định một điểm bất biến: đó tầm quan trọng của việc thực hiện nghiên cứu khảo tả dân tộc học đối với thực tế để có thể tìm hiểu sâu và chỉ ra tính chất phức tạp cũng như tính đặc thù của chúng. Tiếp cận này cho phép xác định hay tái định hướng các hành động, dự án đối với địa phương một cách phù hợp và hạn chế tác động tiêu cực đối với cộng đồng cư dân.

Bằng việc phối hợp đồng thời "*một thái độ gắn kết trong hành động và một thái độ giữ khoảng cách trong phân tích*" nhưng không phủ nhận các tư tưởng xã hội chính trị của mình, chúng tôi có thể đề xuất một nền "*nhân học can dự*" theo hướng đi của Jaulin (1984), Singleton (2008), Fassin (1999), vốn được coi như một "nghiên cứu nhân học học thuật được gắn kết về mặt xã hội và trí thức trong hoàn cảnh lịch sử của các xã hội mà nó nghiên cứu và có thể huy động các năng lực của nó để giúp các xã hội này giành được quyền tự quyết" (Albert, 1985, p. 118). Chúng tôi khẳng định ở đây rằng, vị thế này chính là một phương tiện hiệu quả, song không phải là duy nhất giúp thúc đẩy các động năng của biến đổi xã hội. Nó một phần bị quy định bởi các lực lượng ngoại sinh, song cũng đồng thời bám rễ sâu trong chính sự phức tạp và tính đặc thù của thực tế địa phương.

Kinh nghiệm chúng tôi thu được cho phép nhấn mạnh hai điểm có thể hỗ trợ các nhà phát triển trong việc thúc đẩy sự phát triển "từ cơ sở": trước hết là ủng hộ các nghiên cứu nhân học trong nghiên cứu triển khai (implementation research); thứ hai là cho phép gia tăng tính linh hoạt đối với các dự án phát triển (Olivier de Sardan, 2021). Các nghiên cứu triển khai dự án là những nghiên cứu định tính và độc lập với các dự án phát triển được tiến hành trong quá trình thực hiện dự án. Chúng đặc biệt cho phép nắm bắt các tác động không mong đợi của dự án và những khoảng cách không thể tránh khỏi giữa dự kiến và kết quả thực tế.

Tài liệu tham khảo

1. Anderson, Mary B. (Ed., 1999), *Do No Harm: How Aid Can Support Peace - Or War*, Boulder, USA, Lynne Rienner Publishers.
2. Albert, Benjamin (1995), "Anthropologie appliquée ou anthropologie "impliquée"? Ethnographie, minorités et développement", In: Baré Jean-François (Ed.), *Les applications de l'anthropologie*, Paris, Karthala, pp. 87-117.
3. Arditi, Claude (2005), "Niger: chronique d'une évaluation censure ou comment une agence des Nations Unies fabrique un bilan positif de son action contre l'insécurité alimentaire, la marginalisation des femmes et la pauvreté", *Revue Tiers Monde*, vol 184, pp. 861-883.
4. Atlani-Duault, Laëtitia (Ed., 2007), "Anthropologues et ONG: des liaisons fructueuses ?", *Humanitaire*, vol 4 (special issue).

5. Atlani-Duhault, Laëtitia (2009), “L’anthropologie de l’aide humanitaire et du développement Histoire, enjeux contemporains et perspectives”, In: Laëtitia Atlani-Duault et Laurent Vidal, *Anthropologie de l’aide humanitaire et du développement*, Paris, A. Colin, pp. 17-40.
6. Atlani-Duhault, Laëtitia & Vidal, Laurent (2009), *Anthropologie de l’aide humanitaire et du développement*, Paris, A. Colin.
7. Bouju, Jacky (2011), “Une application de l’anthropologie au développement. Le métier de praticien”, *Cahiers d’études africaines*, vol 202-203, pp. 563-589.
8. Céfaï, Daniel (Ed., 2010), *L’engagement ethnographique*, Paris, Ed. EHESS.
9. Cernea, Michael (Ed., 1991), *Putting the People First. Sociological Variables in Rural Development*, London/Oxford, University Press.
10. Chambers, Robert (1983), *Rural development: putting the first last*, London, Longman.
11. Chambers E. (1987), “Applied Anthropology in the Post-Vietnam Era: Anticipations and Ironies”, *Annual Review of Anthropology*, vol 16, pp. 309-337.
12. Crewe, Emma & Axelby, Richard (2013), *Anthropology and Development. Culture, morality and politics in a globalised world*, Cambridge, Cambridge University Press.
13. Culas, Christian (2004), “Recommandations pour la préservation des futurs sites touristiques dans la province de Lào Cai”, Bordeaux, Coopération Région Aquitaine-Province de Lao Cai.
14. Culas, Christian, Razafindrakoto, Mireille & Roubaud, François (2015), “Ownership and Participatory Processes: From Global Motto to Local Challenges. The Case of a Key Poverty Reduction Program in Ethnic Minority Areas of Vietnam”, In: Olivier Charnoz, Virginie Diaz Pedregal & Alan L. Kolata (Eds.): *Local Politics, Global Impacts: Steps to a Multi-Disciplinary Analysis of Scales*, Surrey (UK), Ashgate Press, pp. 223-250.
15. Culas, Christian (2020), “Anthropologie des relations État-population rurale. Participation locale et société civile dans les projets de développement au nord du Vietnam”, *Moussons*, No 36, pp. 247-278.
16. Dozon, Jean-Pierre (1991), “Le dilemme connaissance/action: le développement comme champ politique”, *Bulletin de l’APAD*, vol 1, pp. 14 17.
17. Dolezal, Claudia (2011), “Community-Based Tourism in Thailand: (Dis-)Illusions of Authenticity and the Necessity for Dynamic Concepts of Culture and Power”, *Austrian Journal of South-East Asian Studies*, N°4(1), pp. 129-138.

18. Escobar, Arturo (1995), *Encountering Development. The Making and Unmaking of the Third World*, Princeton: Princeton University Press.
19. Fassin, Didier (1999), “L’anthropologie entre engagement et distanciation. Essai de sociologie des recherches en sciences sociales sur le sida en Afrique”, In: Becker Charles, Dozon Jean-Pierre, Obbo Christine, Touré Moriba (Eds.), *Vivre et penser le sida en Afrique*, Paris, CODESRIA/Karthala/ IRD, pp. 41-66.
20. Ferguson, James (1990), *The Anti-Politics Machine: Development, Depoliticization, and Bureaucratic Power in Lesotho*, Cambridge, Cambridge University Press.
21. Giovalucchi, François & Olivier de Sardan, Jean-Pierre (2009), “Planification, gestion et politique dans l’aide au développement: le cadre logique, outil et miroir des développeurs”, *Revue tiers monde*, N°198, pp. 383-406.
22. Guichaoua, André & Majeres, Jean (1982), “Usages de la sociologie dans les organismes de coopération et du développement”, *Revue Tiers Monde*, vol 90, pp. 423-443.
23. Guijt, Irene (1991), *Perspectives on Participation. An Inventory of Institutions in Africa*, London, International Institute for Environment and Development.
24. Jaulin, Robert (1984), “Ethnocide, Tiers Monde et ethnodéveloppement”, *Tiers-Monde*, No 100 (25), pp. 913-927.
25. Jaulin, Robert (1999), *Exercices d'ethnologie* (Roger Renaud), Paris, PUF.
26. Keare, Douglas H. (2001), “Learning to Clap: Reflections on Top-Down versus Bottom-Up Development”, *Human Organization*, N° 60(2), pp. 159-165.
27. Larrere, Catherine & Larrere, Raphaël (1997), *Du bon usage de la nature. Pour une philosophie de l'environnement*, Paris, Flammarion.
28. Lavigne Delville, Philippe (1997), “A quoi servent les sciences sociales dans les projets de développement rural? Points de vue d'un "agent double”, *Bulletin de l'APAD*, vol 14.
29. Le Meur, Pierre-Yves & Lavigne Delville, Philippe (2009), “Le développement rural et la gouvernance des ressources”, In: Atlani-Duault L. and Vidal L.: *Anthropologie de l'aide humanitaire et du développement*, Paris, A. Colin, tr. 73-96.
30. Lewis, David (2005), “Anthropology and development: the uneasy relationship”, In: Carrier J.G.: *A handbook of economic anthropology*, Cheltenham, Edward Elgar, pp. 472-86.
31. Lewis, David & Mosse, David (2006), *Development brokers and translators: The ethnography of aid and agencies*, Kumarian Press, Boulder, Colorado.
32. Li, Tania Murray (2007), *The Will to Improve. Governmentality, Development and the Practice of Politics*, Durham, NC: Duke University Press.

33. Long, Norman (1989), *Encounters at the Interface. A Perspective in Social Discontinuities in Rural Development*, Wageningen, Wageningen Agricultural University.
34. Long, Norman (Ed., 2001), *Development Sociology: Actor Perspectives*, London, Routledge.
35. Mathieu, Marilou (2012), “L’auxiliaire”: une approche empirique du rôle de l’anthropologue dans des projets de coopération au développement”, *Bulletin de l'APAD*, 34-36.
36. Olivier de Sardan, Jean-Pierre (1995), *Anthropologie et développement, essai en socio-anthropologie du changement social*, Paris, Karthala.
37. Olivier de Sardan, Jean-Pierre (2021), *La revanche des contextes. Des mésaventures de l’ingénierie sociale, en Afrique et au-delà*, Paris, Karthala.
38. Pannier, Emmanuel & Culas, Christian (2016), “Expérience de dialogue entre l’anthropologie et une situation de développement au Vietnam. De la position d’observateur à celle de médiateur”, *Anthropologie & Développement*, vol 44, pp. 123-148.
39. Pannier, Emmanuel (2016), “Édifier un mode de vie civilisé dans une commune tày du nord du Vietnam : assimilations, adaptations et accommodements”, *Moussons*, vol 28, pp. 89-122.
40. Pretty, Jules N. (1995), Participatory Learning for Sustainable Agriculture, *World Development*, vol 23(8), pp. 1247-1263.
41. Rahnema, Majid (1992). “Participation”, In: W. Sachs: *The development dictionary*, London, Zed Books.
42. Reikat, Andrea (2012), “Jeux de rôles - ou: l’intermédiaire professionnel a-t-il une place dans le système de l’aide au développement?”, *Bulletin de l'APAD*, vol 34-36.
43. Rist, Gilbert (2001), *Le développement. Histoire d'une croyance occidentale*, Paris, Presses de Sciences Po.
44. Robertson, Alexander Foster (1984), *People and the State: An anthropology of planned development*, Cambridge, Cambridge University Press.
45. Singleton, Michael (2008), “De l’anthropologie appliquée à l’anthropologue impliqué”, *Recherches sociologiques et anthropologiques*, vol 39(2), pp. 43-61.
46. Willigen, John Van (2002), *Applied Anthropology: An Introduction*, Westport, C.T: Bergin & Garvey.
47. World Bank (1996), *The World Bank Participation Source Book*. Washington, D.C: World Bank, Environmentally Sustainable Development Cluster.